TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 01 - 2020
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

Bà Khổng Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Trú tại: xóm 1, thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang

- Bị đơn: Anh Lộc Văn T, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Trú tại: thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 07/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ma Thị H trình bày: chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2016 trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 10/10/2016 theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói

chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo và được hòa giải tại thôn nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ma Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lộc Văn T. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Ma Thị Hà V, sinh ngày 07/03/2016, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệp tập anh Lộc Văn T nhiều lần nhưng anh T không có mặt để tham gia tố tụng do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại các biên bản xác minh của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với trưởng thôn T, xã Q; cán bộ tư pháp xã Q; Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Q, Trưởng công an xã Q phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Ma Thị H và anh Lộc Văn T như sau:

Anh Lộc Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, huyện B. Tuy nhiên hiện nay anh Lộc Văn T là lao động tự do, đi ra ngoài làm thuê, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về thôn T, xã Q. Chị Ma Thị H và anh Lộc Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Ma Thị Hà V, sinh ngày 07/03/2016. Quá trình chung sống tại thôn T, xã Q, chị H và anh T hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị H đã cùng con chuyển về sinh sống tại gia đình nhà ông bà ngoại ở xã V, huyện B, còn anh T đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Về con chung, theo ý kiến của chính quyền địa phương, cháu V là con gái, còn nhỏ, hiện nay do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy nếu chị H và anh T ly hôn nên giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có điều kiện tốt hơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Ma Thị H được ly hôn anh Lộc Văn T. Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Ma Thị Hà V, sinh ngày 07/03/2016, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi

con. Về án phí: nguyên đơn là chị Ma Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Chị Ma Thị H có đơn khởi kiện "Ly hôn" với bị đơn là anh Lộc Văn T, anh Lộc Văn T có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Ma Thị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lộc Văn T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lộc Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ma Thị H và anh Lộc Văn T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo nhưng không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Ma Thị H có yêu cầu xin ly hôn anh Lộc Văn T. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Ma Thị H được ly hôn anh Lộc Văn T.

[2.2] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Ma Thị Hà V, sinh ngày 07/03/2016. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu V còn nhỏ, là con gái, quá trình vợ chồng sống ly thân cháu V do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác theo ý kiến của chính quyền địa phương, nếu chị H và anh T ly hôn nên giao con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ có điều kiện chăm sóc tốt hơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ma Thị Hà V cho chị Ma Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Ma Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, anh Lộc Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung: chị Ma Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: nguyên đơn chị Ma Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị H được ly hôn anh Lộc Văn T.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Ma Thị Hà V, sinh ngày 07/03/2016 cho chị Ma Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Lộc Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị H, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Ma Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0001218 ngày 07 tháng 10 năm 2020.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Hải Hà